

Phan Trường Nghị

ĐỊA GIỚI - ĐỊA PHẬN QUY NHƠN XƯA & NAY

Quyết định ngày 14.3.1900 của Khâm sứ Trung kỳ Léon Jules Pol Boullouche, quy định rõ địa phận của thị xã Quy Nhơn mới được thiết lập gồm 2 làng *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành*. Làng mạc không phải tự nhiên mà phát triển nên đô thị, làng phải có những tố chất năng động tạo nên sự trù phú. *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành* nằm ven đầm Hải Hạc, nay gọi là đầm Thị Nại. Cảng Thị Nại từ trước xa được các nhà hàng hải gọi là cảng Quy Nhơn, gọi theo địa danh ở đây nó thuộc phủ Quy Nhơn. Tùy theo ngôn ngữ của quốc gia họ mà Quy Nhơn được viết là Kwin-hon, Quinhin, Quinhon, hay Quinion...

Quy Nhơn xưa khởi nguyên từ *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành*, trước vốn là 2 làng của thôn *Vĩnh Khánh* thời Gia Long, chúng đã sẵn mang những tố chất thu hút cư dân và các hoạt động công thương để làm nên thành phố Quy Nhơn của tỉnh Bình Định ngày hôm nay.

GIAI ĐOẠN TRIỀU NHÀ NGUYỄN

Vào thời Gia Long, theo Địa Bạ lập cho trấn Bình Định năm 1815 thì Thôn *Vĩnh Khánh* của Thuộc *Thời Tú* gồm *Cẩm Thượng tứ chánh Khách hộ áp* [錦上四政], và *Thượng Lộc tứ chánh Khách hộ áp* [上祿四政]. Xét vào tình hình lập làng lập ấp ngày xưa, Khách hộ áp [客戶邑] và Thuộc [屬] là những đơn vị hành chánh thiết lập cho những nơi mới vừa khai phá, dân cư chưa tập trung ổn định. Còn nếu xét về Địa danh học, *tứ chánh* [四政], nó cùng tự dạng với chữ *Nôm tứ chiếng* [四政], cả hai cùng chỉ cho những nơi có cư dân từng trải, từ bốn phương tụ hội về đây trú ngụ. Xét vậy thì rõ ràng 2 làng *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành* xưa đã có sẵn tố chất hình thành nên đô thị trù mật.

Xứ Đàng Trong - Cocinchine
 Vương Quốc An Nam (*Les Royaumes de Tumkin et de la Cocinchine*)
 Bản đồ do các giáo sĩ Dòng Tên vẽ năm 1650



Năm 1832, Minh Mệnh cho bãi cấp Xã của các triều đại trước, cải Thuộc thành Tổng, bỏ Chánh hộ áp và Khách hộ áp, nâng Áp làm Thôn, đổi Trấn thành Tỉnh. Chia huyện Phù Ly làm 2 thành Phù Mỹ và Phù Cát. Chia huyện Tuy Viễn làm 2 thành Tuy Viễn và Tuy Phước. Chính sách cải cách hành chánh Trung ương tập quyền đã trưng bày bộ mặt yên vững, kinh tế phát triển, cư dân ở thôn xóm vẫn tự quản tự trị vốn có từ xưa đã tạo nên sự ổn định của làng mạc. Địa bạ lập năm 1839 theo chính sách quân điền cho riêng tỉnh Bình Định, thấy được:

- + áp *Cẩm Thượng tứ chánh* cải làm thôn *Cẩm Thượng* [錦上]
- + áp *Thượng Lộc tứ chánh* cải làm thôn *Chánh Lộc* [政祿]

Đại Nam Nhất Thống Chí biên soạn vào đời Tự Đức, khi mô tả về Thanh Châu Dữ (đảo Cù lao Xanh) trong mục Núi Sông của Bình Định, thấy *Chánh Lộc* được gọi là *Chánh Thành* [政成]:

- + “*Hòn Thanh Châu ở thôn Chánh Thành, phía Nam huyện, tục gọi núi Cù Lao, là trán sơn của cửa biển Thị Nại, đầu đời Gia Long thuộc huyện Đồng Xuân đạo Phú Yên, đến giữa năm Minh Mệnh đổi lệ vào huyện Tuy Phước*”.⁽¹⁾

Thời Minh Mệnh, *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành* thuộc tổng Tuy Hà của huyện Tuy Phước. Giới phận của *Chánh Thành* ở phía Đông *Cẩm Thượng*, 3 mặt còn lại cùng giáp biển với đầm Thị Nại.

Thời Gia Long, *Chánh Thành* có Chợ Giã, *Cẩm Thượng* có Chợ Triều theo như diễn giải đường từ trấn thành Bình Định (thành Hoàng đế cũ) đến đôn cửa biển Thị Nại, của *Hoàng Việt Nhất Thống Dư Địa Chí* do Binh bộ Thượng thư Lê Quang Định soạn năm 1806:

- + “*1.530 tầm* [đường toàn là cát mịn, phía Nam dọc theo núi, phía Bắc có gò, tục gọi là Núi Một, dưới gò này có tháp, trước mặt tháp có miếu thờ công thần], *đến chợ Cẩm Thượng, tục gọi là chợ Triều, hai bên chợ có quán xá rất trù mật, khách đi đường có thể nghỉ lại đây.*

(1) Tr 35 *Đại Nam Nhất Thống Chí*

+ 444 *tâm* [đường toàn bằng cát mịn, hai bên phố xá liền nhau, là nơi buôn bán rất tấp nập, khách đi đường nghỉ lại rất tiện. Sau lưng phố này trông ra hướng Bắc là dọc theo đầm Biền Cạn, nước sâu và mặn, thuyền bè có thể ra vào], *đến chợ Thượng Lộ, tục gọi là chợ Giã, hai bên chợ có quán xá rất đông đúc, khách đi đường có thể nghỉ lại đây*".⁽²⁾

Điều này thấy rõ đầu triều Nguyễn, *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành* đã trù phú, chợ Triều đã hiện diện người Triều Châu dưới hoạt động thương mại. Cư dân của *Cẩm Thượng*, hậu duệ của họ tiêu biểu là người gốc Hoa ngày nay sống bên cạnh hội quán các bang, quanh các đường Bạch Đằng, Trần Cao Vân, Trần Hưng Đạo (đường Gia Long trước 1975)... vốn sẵn cũng thạo với nghề buôn.

Xem ra vậy, cảng Thị Nại vào đầu triều Nguyễn không những phồn thịnh với nội thương, nó còn kế thừa nền ngoại thương trước đó, thời mà các tàu buôn nước ngoài tấp nập cập cảng Quy Nhơn để đổi trao hàng hóa. Năm 1778, lúc mà nhà Tây Sơn còn phải đương đầu với họ Trịnh phía Bắc Quảng Nam, đang truy đuổi họ Nguyễn tận trong Gia Định, một sứ đoàn người Anh tìm đến Quy Nhơn yết kiến triều đình Nguyễn Nhạc để xin bang giao, mục tiêu trước mắt là thiết lập mối giao thương. Trưởng sứ đoàn là Charles Chapman đã tường trình cho Toàn quyền Anh và Công ty Đông Ấn thuộc Anh ở Bengal – Ấn Độ, về tình hình cảng Quy Nhơn lúc bấy giờ hiếm khi vắng tàu buôn nước ngoài:

+ “*Đến ngày 13 tháng Bảy chúng tôi thả neo trong vịnh. Trên bờ nhiều nơi đã cày sâu cuốc bẫm, hiện thời bày ra thật mê mẩn, dưới bình nguyên cấy lúa, trên cao hồ tiêu trái tới tận đỉnh đồi. Chúng tôi thấy ở đây có 2 thương thuyền người Bồ*”...⁽³⁾

(2) Tr 250 Hoàng Việt Du Địa Chí

(3) Nguyễn văn trong *British Mission to Cochinchina*: “13th of July we anchored in the Bay. The coast, in many places highly cultivated, had now a most delightful appearance, the lowlands planted with paddy and the hills with pepper to their very tops. Here we found two Portuguese snows”...

Khi người Pháp xâm chiếm Bắc kỳ, sau sự kiện Đại úy Francis Garnier bị giết chết ở Cầu Giấy Hà Nội, soái phủ Pháp và triều đình Huế nghị hòa. Để đánh đổi người Pháp lui binh về Nam kỳ, nhà Nguyễn ký hiệp ước Giáp Tuất 1874 công nhận Lục tỉnh Nam kỳ là đất thuộc Pháp, chấp nhận việc ngoại giao của Việt Nam là do người Pháp quyết định, phải để các giáo sĩ Gia Tô tự do giảng đạo và con chiên tự do theo đạo...

Và đáng lưu tâm là điều 11 trong hiệp ước, Việt Nam phải thỏa thuận mở cửa biển Thị Nại của tỉnh Bình Định, Ninh Hải của Hải Dương, cùng mở sông Hồng thông thương để người ngoại quốc tự do ra vào buôn bán.⁽⁴⁾

Nông nghiệp chỉ là căn bản, thương mại và công kỹ nghệ mới làm nên bộ mặt đô thị. Việc mở thông thương cửa biển Thị Nại là nền móng để hình thành thị xã Quy Nhơn, rồi thành phố Quy Nhơn vào thời Pháp thuộc. Thoạt đầu, *Thực Lục* có chép vào tháng 9 năm Bính Tý 1876:

+ “*Lãnh sự nước Pháp đến cửa biển Thị Nại, tỉnh Bình Định mở việc buôn*”.⁽⁵⁾

Pháp đặt lãnh sự tại Quy Nhơn là để theo dõi, đốc thúc việc thực thi hiệp ước Giáp Tuất. Người Pháp nắm đặc quyền tài phán thương mại ở các cảng biển, dẫn đến việc triều đình nhà Nguyễn bàn định cho thiết lập 6 Thị xã (centre urbain) ở Trung kỳ là kinh thành Huế, Thanh Hóa, Vinh (Nghệ An), Hội An (Quảng Nam), Quy Nhơn (Bình Định), Phan Thiết (Bình Thuận).⁽⁶⁾ Theo đề nghị của Cơ Mật Viện, Thành Thái ban Chỉ dụ lập Thị xã Quy Nhơn ngày 20.10.1898.

Ngày 30.8.1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra quyết định chuẩn y. Thị xã Quy Nhơn bao gồm 2 làng *Cẩm Thượng* và *Chánh Thành* bấy giờ thuộc tổng Dương An của phủ Tuy Phước.

(4) Tr 323 Việt Nam Kháng Pháp Sử

(5) Tr 138 Đại Nam Thực Lục Tập 8

(6) Mục 0912 Đế Lục Kỳ Phụ Biên

GIAI ĐOẠN TIỀN BÁN THẾ KỶ XX

Ngày 30.4.1930 Toàn quyền Đông Dương Pierre Marie Antonie Pasquier ra Nghị định nâng Quy Nhơn làm Thành phố cấp III, địa giới được mở rộng về phía Tây, gồm thêm thôn *Hung Thạnh* cũng của tổng Dương An phủ Tuy Phước. Bảy giờ Quy Nhơn chia làm 5 Khu phố (Quartier), dân gian gọi tắt là Khu. Khu 1 và 2 thuộc địa phận thôn *Chánh Thành*. Khu 3 và 4 thuộc địa phận thôn *Cẩm Thượng*, Khu 5 gồm một phần thôn *Hung Thạnh* (là phần núi Bà Hòa đổ ra đầm).

Theo Quyết định ngày 02.7.1932 của Khâm sứ Trung kỳ Yves Charles Châtel, cụ thể địa giới thành phố Quy Nhơn quy chiếu theo hiện trạng ngày nay:

- + **Khu 1:** Tính ở phía Nam, từ mũi Tấn dọc theo biển đến đường Lê Lợi (đại lộ Khải Định xưa), theo đó đến ngã tư Lê Lợi với Tăng Bạt Hổ, theo Tăng Bạt Hổ (đại lộ Odend'hal xưa) hướng đến ngã tư Trần Cao Vân, rồi theo đường Trần Cao Vân (đường Dayot) đổ ra đầm Thị Nại.
- + **Khu 2:** Phía Đông tính từ biển theo đường Lê Lợi đến ngã tư Lê Lợi với Tăng Bạt Hổ. Phía Bắc là từ đây theo Tăng Bạt Hổ đổ về phía Tây làm nên ranh giới với Khu 3. Ranh giới của khu 2 về phía Tây tạm cho là đường Nguyễn Tất Thành bây giờ, phía Nam là giao lộ Nguyễn Tất Thành với đường Ngô Mây đổ ra eo Nín Thờ.
- + **Khu 3:** Phía Đông giáp đầm Thị Nại đoạn từ đường Mai Xuân Thưởng đến Trần Cao Vân. Phía Nam là đường Tăng Bạt Hổ, tính từ ngã tư Trần Cao Vân chạy về hướng Tây. Phía Tây từ giao lộ Nguyễn Tất Thành với Trường Chinh hiện nay chạy lên giáp ngã tư Mai Xuân Thưởng. Từ đây hướng ra đầm Thị Nại tạo nên ranh giới phía Bắc với Khu 4 và Khu 5.
- + **Khu 4:** Giới phận Phía Bắc là phường Đống Đa ngày nay, phía Đông là đầm Thị Nại tính từ cầu Hà Thanh chạy đến đường Mai Xuân Thưởng (đường Henry Russier xưa). Phía Tây giáp

núi. Ranh giới phía Nam là đường Mai Xuân Thường chạy về thôn Xuân Quang.

- + **Khu 5:** Thuộc địa phận làng Hưng Thạnh trước kia, tức gần như là phường Đồng Đa ngày nay.

Thành phố Quy Nhơn hình thành, cảng biển mở rộng giao thương, công sở đô thị phát triển, cư dân đổ về hội tụ. Tỉnh thành của Nam triều ở Liêm Trực, An Ngãi cũng dời về Quy Nhơn vào tháng 10 năm 1935.⁽⁷⁾

Mùa thu tháng Tám 1945, Quy Nhơn tổ chức theo quy chế thị xã, Quy Nhơn được gọi là thị xã Nguyễn Huệ. Sau cải là Xã đặc biệt trực thuộc tỉnh, cùng lúc với thị xã Hội An, Tuy Hòa theo Nghị định 1075-MN/TOC của Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh miền Nam Trung bộ ngày 1.7.1952.⁽⁸⁾

Bấy giờ theo yêu cầu chiến đấu, thôn *Xuân Quang* và *Xuân Vân* của xã Phước Tấn chia làm Khu 6 Đông và Khu 6 Tây, hình thành nên Khu 6 cho Quy Nhơn⁽⁹⁾ để phối hợp các Khu cùng tổ chức bố phòng.

Tháng 5.1955 thực thi Hiệp định Genève, cảng Thị Nại là điểm chuyển quân tập kết ra Bắc cuối cùng theo hạn 300 ngày. Nên UBNDHC Miền Nam Trung bộ ký Nghị định 880/MN/TOC ngày 1.1.1955, đặt Quy Nhơn trực tiếp chịu sự chỉ đạo của UBNDHC liên tỉnh Bình Định – Quảng Ngãi.⁽¹⁰⁾

GIAI ĐOẠN HẬU BÁN THẾ KỶ XX

Dưới chính thể VNCH, xã Quy Nhơn là tỉnh lỵ của Bình Định, đặt trực thuộc quận Tuy Phước theo Nghị định của Tổng thống ngày 18.4.1961.⁽¹¹⁾ Địa phận bấy giờ lấy trọn phần đất núi Bà Hỏa, bao gồm

(7) Tr 18 Địa Dư Mông Học Bình Định

(8) Tr 225 VN Những Thay Đổi Địa Danh Địa Giới

(9) Tr 236 Lịch Sử Thành Phố Quy Nhơn

(10) Tr 247 VN Những Thay Đổi Địa Danh Địa Giới

(11) Tr 339 VN Những Thay Đổi Địa Danh Địa Giới

một phần đất Hưng Thạnh, Xuân Quang phía hồ Phú Hòa thuộc xã Phước Hậu, nhập thêm ấp Xuân Vân thuộc xã Phước Tấn của quận Tuy Phước.

Quãng năm 1968, sáp nhập 36 ha thuộc ấp Bình Thạnh của xã Phước Hậu (phía trên Cầu Đôi) vào xã Quy Nhơn để thiết lập khu vực Bến xe.⁽¹²⁾

Đến năm 1970, xã Quy Nhơn và các phần đất ngoại vi chung quanh cải biến thành thị xã, tên gọi là “Thị xã Quy Nhơn” theo Sắc lệnh 113-SL/NV của Thủ tướng VNCH. Địa phận thị xã gồm 4 xã Quy Nhơn, Phước Hậu, Phước Tấn, và Phước Hải. Bây giờ Quy Nhơn chia làm 2 quận.⁽¹³⁾

- Quận Nhơn Bình, gồm:
 - + Các Ấp Hải Cảng, Đào Duy Từ, Nguyễn Du, Lê Lợi, Cường Để, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Xuân Quang, Ghềnh Ráng của xã Quy Nhơn
 - + Các Ấp Quy Hòa và Xuân Vân của xã Phước Tấn
 - + Các Ấp Hải Minh, Hải Đông, Hải Nam, Hải Giang của xã Phước Hải
- Quận Nhơn Định, gồm:
 - + Các Ấp Phan Bội Châu, Nguyễn Công Trứ, Lý Thường Kiệt, Bạch Đằng, Huyền Trân, Tháp Đôi của xã Quy Nhơn
 - + Các Ấp Phú Hòa, Phú Vinh, An Thạnh, Vân Hà, Nhơn Mỹ, Tường Vân, Phụ An, Bình Thạnh, Lương Nông, Hưng Thạnh, Đông Định, Tây Định, Lạc Trường, Thuận Nghi xã Phước Hậu

Mấy tháng sau, Tổng trưởng bộ Nội vụ chính phủ VNCH ký Nghị định 404-BNV/HCĐP/26/ĐT/NĐ, thiết lập 16 Khu phố cho 2 quận của Thị xã Quy Nhơn.⁽¹⁴⁾

(12) Theo Cáo thị của Tòa HC Bình Định ngày 21.3.1968

(13) Theo Sắc lệnh 113-SL/NV ngày 30.9.1970

(14) Theo Nghị định 404-BNV/HCĐP/26/ĐT/NĐ ngày 11.6.1971

Tr.1 Sắc lệnh 113-SL/NV Ngày 30.9.1970
(Nguồn Trung Tâm Lưu Trữ tỉnh Bình Định)

PHỦ THỦ-TƯỚNG

THỦ - TƯỚNG CHÁNH -

Số : 113-SL/NV

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1 tháng 1 1967 ;
Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1 tháng 9 năm 1969 ấn định thành phần Chánh-Phủ ;
Chiếu Dự số 57-a ngày 24 tháng 10 năm 1956 tổ chức nền Hành-Chánh Quốc-Gia ;
Chiếu Sắc-lệnh số 229-NV ngày 18 tháng 12 năm 1965 ấn định tổ chức hành-chánh các Thị xã ;
Chiếu Nghị-định số 231-BNV/HC/NĐ ngày 22 tháng 5 năm 1958 ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Bình-Định ;
Chiếu Biên bản phiên họp số 46 ngày 20 tháng 3 năm 1969 của Hội-Đồng Nội-Các ;
Chiếu Biên bản các phiên họp ngày 28 tháng 6 năm 1969, ngày 22 tháng 10 năm 1969 và ngày 15 tháng 7 năm 1970 của Hội-đồng Tỉnh Bình-Định ;
Chiếu Biên bản phiên họp ngày 9 tháng 6 năm 1969 của Hội-đồng xã Qui-Nhơn, ngày 16 tháng 6 năm 1969 của Hội-Đồng xã Phước-Hậu, ngày 15 tháng 6 năm 1969 của Hội-Đồng xã Phước-Tân, ngày 15 tháng 6 năm 1969 của Hội-Đồng xã Phước-Hải ;
Chiếu đề nghị của Tổng-Trưởng Nội-Vụ,

S Á C - L Ò N H :

Điều 1.- Nay cải Biển xã Qui-Nhơn, thuộc Quận Tuy-Phước, Tỉnh Bình-Định và các phần đất phụ cấp thành Thị xã.

Điều 2.- Thị xã này được lấy tên là "Thị-xã Qui-Nhơn", địa phận gồm có :

- Xã Qui-Nhơn
- Xã Phước-Hậu
- Xã Phước-Tân
- Xã Phước-Hải.

Điều 3.-Thị-xã Qui-nhơn được chia thành 2 quận, địa phận mỗi quận được ấn định như sau :

1) Quận Nhơn-Bình :

- Ấp Hải-Cảng, Đào Duy-Tử, Nguyễn-Du, Lê-Kỳ, Cường-Đế, Nguyễn-Huệ, Hàm-Nghi, Xuân-Quang và Ghênh-Rạng thuộc xã Qui-Nhơn ;
- Xã Phước-Tân ;
- Ấp Hải-Đông, Hải-Nam, Hải-Minh và Hải-Giang thuộc xã Phước-Hải.

2) Quận Nhơn-Bình :

- Ấp Phan-Bôi-Châu, Nguyễn-Công-Trứ, Lý-Thường-Kiệt, Bạch-Đềng, Huyền-Tren và Tháp-Đôi thuộc xã Qui-Nhơn.
- Ấp Phú-Hòa, Phú-Vinh, An-Thạnh Văn-Hà, Nhơn-Mỹ, Tường-Vân, Phụ-An, Bình-Thạnh, Lương-Nông, Hưng-Thạnh, Đông-Định, Tây-Định, Lạc-Trưởng và Thuận-Nghi thuộc Xã Phước-Hậu.

.../.....

Tr.2 Sắc lệnh 113-SL/NV Ngày 30.9.1970
(Nguồn Trung Tâm Lưu Trữ tỉnh Bình Định)

- 2 -

anh giới Thị-Xã Qui-Nhơn, quận Nhơn-Bình và quận
được ấn-dịnh y theo bản-đồ đính kèm bản chánh Sắc-lệnh
ay.

Điều 4.- Thị-Xã Qui-Nhơn được đặt dưới quyền của một
Thị-Trưởng có một hay nhiều Phó Thị-Trưởng phụ-tá.

Điều 5.- Thị-xã Qui-Nhơn có ngân-sách riêng; ngân-sách
này sẽ được thành-lập, phê-chuẩn và thi-hành theo tho-thức áp-
dụng cho các Ngân-sách Thị-Xã.

Điều 6.- Chi-phí thiết-lập các cơ-sở hành-chánh Thị-Xã
sẽ do Ngân-sách Quốc-gia đài-thọ.

Chi-phí thiết-lập các cơ-sở hành-chánh Quận sẽ do Ngân-
Sách Thị-Xã đài-thọ.

Điều 7.- Phó Thủ-Tướng, các Quốc-Vụ-Khánh, Tổng-Trưởng,
Bộ-Trưởng, Thủ-Trưởng và Tỉnh-Trưởng Bình-Định, chiếu nhiệm-vụ,
lãnh thi-hành Sắc-lệnh này.

Sắc-lệnh này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hoà.

Saigon, ngày 30 tháng 9 năm 1970

Nơi nhận :

Ký tên: TRẦN-THIỆN-KHIÊM

- Các Bộ khác...

PHỤ BỔN :

Đông-Lý Văn-Phòng,
Ký tên : TRƯƠNG-THỚI-LAI

Bản sao
TTLTQG II

Số: 2.207 -CC/TTK/HC.1

PH Ồ B I Ế N

Các Nha, Sở thuộc Bộ Công-Chánh.

Tổng-Trưởng Công-Chánh,
Ký tên: DƯƠNG-KÍCH-NGHUNG

G Ử I Y

Saigon, ngày 9 tháng 10 năm 1970

TL. Tổng Thư-Ký,
Chánh Sự-Vụ Hành-Chánh



PHAN-VAN-BÁ

● Quận Nhơn Bình, gồm 10 Khu phố:

- + Kp Trung Cảng (ấp Hải Cảng xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Từ (ấp Đào Duy Từ xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Phú (ấp Nguyễn Du xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Đức (ấp Lê Lợi xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Cường (ấp Cường Để và Nguyễn Huệ xã Quy Nhơn)
- + Kp Trung Hiếu (ấp Hàm Nghi xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Tín (ấp Ghềnh Ráng xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Châu (ấp Xuân Quang xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Hòa (ấp Quy Hòa xã Phước Tân cũ)
- + Kp Trung Hải (các ấp Hải Đông, Hải Nam, Hải Minh, Hải Giang xã Phước Hải cũ)

● Quận Nhơn Định, gồm 6 Khu phố:

- + Kp Trung Chánh (ấp Phan Bội Châu và Bạch Đằng xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Kiệt (ấp Lý Thường Kiệt, Nguyễn Công Trứ xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Ái (ấp Huyền Trân xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Thiện (ấp Tháp Đôi xã Quy Nhơn cũ)
- + Kp Trung Hậu (ấp Hưng Thạnh, Bình Thạnh, Lương Nông, An Thạnh, Phú Vinh, Phú Hòa của xã Phước Hậu cũ)
- + Kp Trung Nghĩa (ấp Phụ An, Nhơn Nghĩa, Tường Vân, Vân Hà, Lạc Trường, Thuận Nghi, Đông Định, Tây Định xã Phước Hậu cũ)

Đến ngày 22.8.1972 Tổng trưởng Nội vụ chính thể VNCH còn ra nghị định số 553-BNV/HCĐP/NĐ cải danh Khu phố thành Phường. Dưới Phường chia làm nhiều Khóm.⁽¹⁵⁾ Cuối năm 1972, xác định được Thị xã Quy Nhơn của Bình Định có 2 Quận, gồm 16 Phường trong đó có 49 Khóm.

(15) Tr 21 Ai Có Về Qui Nhơn

Sau năm 1975, khi Quảng Ngãi và Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình vào tháng 2.1976, Thị xã Quy Nhơn là tỉnh lỵ, các phường trước 1975 được sắp xếp lại thành 8 phường và 4 xã:

- + Sáp nhập Trung Cảng và Trung Từ thành phường Hải Cảng
- + Sáp nhập Trung Phú và Trung Đức thành phường Lê Lợi
- + Cải phường Trung Chánh làm phường Trần Hưng Đạo
- + Cải phường Trung Cường làm phường Trần Phú
- + Cải phường Trung Kiệt làm phường Lê Hồng Phong
- + Cải phường Trung Hiếu làm phường Ngô Mây
- + Sáp nhập Trung Châu, Trung Tín, Trung Hòa thành phường Quang Trung
- + Sáp nhập Trung Thiện, Trung Ái thành phường Đống Đa
- + Sáp nhập 2 phường Trung Hậu, Trung Nghĩa cải làm xã Nhơn Thạnh
- + Lấy phường Trung Hải cải làm xã Nhơn Hải
- + Chuyển xã Phước Lý của Tuy Phước về Quy Nhơn cải làm xã Nhơn Lý
- + Chuyển xã Phước Châu (Cù lao Xanh) của Tuy Phước về Quy Nhơn cải làm xã Nhơn Châu

Năm 1979, lấy thôn Hội Lộc của xã Nhơn Lý, kết hợp với Hội Lợi, Hội Thành lập nên xã Nhơn Hội. Năm 1981 giải thể xã Nhơn Thạnh, chia phần đất của Nhơn Thạnh làm thành xã Nhơn Bình và Nhơn Phú. Như vậy đến cuối năm 1985, thị xã Quy Nhơn có 8 phường (Đống Đa, Trần Hưng Đạo, Hải Cảng, Lê Lợi, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Ngô Mây, Quang Trung) và 6 xã (Nhơn Bình, Nhơn Phú, Nhơn Lý, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Châu).

Năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định 81-HĐBT cải danh Thị xã Quy Nhơn làm Thành phố Quy Nhơn. Đồng thời sáp nhập xã Phước Thạnh của huyện Tuy Phước vào Quy Nhơn, đổi làm xã Nhơn Thạnh.⁽¹⁶⁾

(16) Theo Thư viện PL: Quyết định 81-HĐBT ngày 3.7.1986

Vài tháng sau, từ xã này cải thành 2 phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân.⁽¹⁷⁾

Khi tái lập tỉnh Bình Định năm 1989, thành phố Quy Nhơn đã nâng thêm 2 phường, thành 10 phường và 6 xã. Từ đây Quy Nhơn thay đổi diện mạo các phường nội thị. Năm 1997 chia phường Quang Trung thành 3 phường: Quang Trung, Ghềnh Ráng và Nguyễn Văn Cừ; cải 2 xã Nhơn Bình và Nhơn Phú thành 2 phường có tên tương ứng.⁽¹⁸⁾ Năm 1998 thành lập phường Lý Thường Kiệt từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Ngô mây, Lê Hồng Phong, Trần Phú; thành lập phường Thị Nại từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Đống Đa và Trần Hưng Đạo.⁽¹⁹⁾

Năm 2005, Quy Nhơn sáp nhập xã Phước Mỹ của Tuy Phước về thành phố quản lý.⁽²⁰⁾ Nâng cấp xã phường trực thuộc thành phố Quy Nhơn làm 21 đơn vị hành chính. Gồm 16 phường (Bùi Thị Xuân, Đống Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô mây, Nguyễn Văn Cừ, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, với Trần Quang Diệu) và 5 xã (Nhơn Châu, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Lý, Phước Mỹ).

Năm 1998, Quy Nhơn đã được công nhận là đô thị loại II. Đến năm 2010, theo Quyết định số 159/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25.01.2010, thành phố Quy Nhơn được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định.

Tóm lại, địa phận Quy Nhơn đã trải qua từng thời kỳ:

- + Năm 1900 gồm 2 làng Cẩm Thượng và Chánh Thành của phủ Tuy Phước. Địa phận chừng 7km²
- + Đến năm 1930 mở rộng giới phận thêm thôn Hưng Thạnh.

(17) Theo Thư viện PL: Quyết định 52-HĐBT ngày 12.3. 1987

(18) Theo Thư viện PL: Nghị định 118/1997/NĐ-CP ngày 26.12.1997

(19) Theo Thư viện PL: Nghị định 70/1998/NĐ-CP ngày 4.9.1998

(20) Theo Thư viện PL: Nghị định 143/2005/NĐ-CP ngày 15.11.2005

- + Quãng thập niên 1950' thêm một phần thôn Xuân Quang (Xuân Quang Đông).
- + Đến thập niên 1960' địa phận bao gồm cả núi Bà Hỏa, trọn phần đất Hưng Thạnh, Xuân Quang phía hồ Phú Hòa, và Xuân Vân của xã Phước Tấn.
- + Năm 1970 sáp nhập vào Quy Nhơn các ấp Hải Minh, Hải Đông, Hải Nam, Hải Giang của xã Phước Hải, Quy Hòa của Phước Tấn, các ấp Phú Hòa, Phú Vinh, An Thạnh, Vân Hà, Nhơn Mỹ, Tường Vân, Phụ An, Bình Thạnh, Lương Nông, Hưng Thạnh, Đông Định, Tây Định, Lạc Trường, Thuận Nghi xã của Phước Hậu.
- + Năm 1976 chuyển xã Phước Lý có các làng Hội Lộc, Hưng Lương, Xương Lý, xã Phước Châu (Cù Lao Xanh) về Quy Nhơn.
- + Năm 1986 chuyển xã Phước Thạnh về Quy Nhơn gồm các làng ngày xưa Thề Bạ, Ngọc Châu, Long Vân, Thề Thạnh, Phú Tài, Vân Quang
- + Năm 2005 sáp nhập thêm xã Phước Mỹ của huyện Tuy Phước gồm các làng xưa Thanh Long và Mỹ Lợi.

Xét theo Kiến trí Diên cách của Quy Nhơn, từ năm 1900 với 2 làng chỉ có 700 ha (7km²), đến năm 2005 thành phố đã có 28.428 ha Diện Tích tự nhiên.

Tham khảo:

- + Quốc Sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục* – Viện sử học, Nxb Giáo Dục 2001
- + Quốc Sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục Phụ Biên Đệ Lục Kỳ* – người dịch Cao Tự Thanh, bản pdf
- + Quốc Sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí* – Viện sử học, Nxb Nxb Thuận Hóa 2006
- + Lê Quang Định, *Hoàng Việt Nhất Thống Dư Địa Chí* – Phan Đăng, Nxb Thuận Hóa 2005

- + Alastair Lamb, *British Mission to Cochinchina 1778 – 1822*, Kualalumpur 1961 bản pdf
- + Bùi Văn Lăng, *Địa Dư Mông Học Tỉnh Bình Định*, Trung Bắc Tân Văn 1938 bản pdf
- + Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn Tỉnh Bình Định*, Nxb Tp Hồ Chí Minh 1996
- + Trần Đình Thái, *Ai Có Về Quy Nhơn*, Tủ Sách Đẹp Quê Hương 1973
- + Phạm Văn Sơn, *VN Kháng Pháp Sử*, Tủ Sách Sử Học VN, Saigon 1962
- + Nguyễn Quang Ân, *VN Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Hành Chính 1945 – 2002*, Nxb Thông Tấn 2003
- + Đỗ Bang và Nguyễn Tấn Hiều chủ biên, *Lịch Sử Thành phố Quy Nhơn*, Nxb Thuận Hóa 1998
- + Trung Tâm Lưu Trữ Bình Định, *Sắc lệnh 113-SL/NV ngày 30.9.1970, Nghị định 404-BNV/HCDP/26/ĐT/NĐ ngày 11.6.1971, Cáo Thị của Tòa Hành chánh tỉnh BĐ ngày 21.3.1968 và các Văn bản liên quan*
- + Thư Viện Pháp Luật, *Các Quyết Định, Nghị Định sau năm 1975*.

